

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/DS-ST
Ngày: 27-10-2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K;

Trụ sở chính: 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn A: Bà Lê Thụy Thủy T (theo Quyết định ủy quyền số 1203/QĐ-NHKL), chức vụ: Quyền giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh R.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thụy Thủy T: Ông Lâm Văn T (theo giấy ủy quyền số 160/UQ-CNRRG), chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch G (có mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Bà Võ Thị D – sinh năm 1958 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K – Người đại diện theo ủy quyền ông Lâm Văn T trình bày:

Vào ngày 18/4/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần K (TMCP K) có cho ông Nguyễn Văn Q, bà Võ Thị D vay số tiền 80.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 938/2018/HĐTD/1011-5014, ngày 18/4/2018 và Hợp đồng

hạn mức cấp tín dụng số 689/16/HMTD/1011-5014, ngày 20/4/2016; mục đích vay là sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi; thời hạn vay là 12 tháng; ngày giải ngân 18/4/2018; ngày đến hạn trả 18/4/2019; lãi suất trong hạn 13,05%/tháng (lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên bộ 3,78%/năm); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; hình thức thanh toán: vốn vay và lãi được trả vào ngày đến hạn hợp đồng.

Tài sản ông Q, bà D thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 689/16/HĐTC-BDS/1011-5014, ngày 20/4/2016 gồm: Quyền sử dụng đất số AO 402605, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00571, diện tích 11.253m² (đất trồng lúa) tờ bản đồ số 1-2, thửa số 30982.1-2.243 được UBND huyện G cấp ngày 16/3/2009 do hộ ông Nguyễn Văn Q đứng tên, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q, bà D không đóng lãi cũng như trả nợ gốc cho Ngân hàng đúng hạn. Ngân hàng TMCP K đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở cũng như tạo điều kiện cho ông Q, bà D thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà vẫn không có thiện chí thanh toán nợ. Tính đến ngày 27/10/2020, ông Q, bà D còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền 118.962.863đ, trong đó: nợ gốc 80.000.000đ, lãi trong hạn 10.725.222đ, lãi quá hạn 25.250.667đ và tiền phạt chậm trả lãi là 2.986.974đ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q, bà D phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 27/10/2020 là 115.975.889đ, trong đó: nợ gốc 80.000.000đ, lãi trong hạn 10.725.222đ, lãi quá hạn 25.250.667đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Đồng thời, Ngân hàng TMCP K xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về tiền phạt chậm trả lãi 2.986.974đ. Trường hợp, ông Q, bà D không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q, bà Võ Thị D không có mặt tại phiên tòa: Qua quá trình tiến hành tố tụng kể từ ngày thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án ông Q, bà D không có mặt tại địa phương, qua thẩm tra xác minh cũng không rõ ông bà đi đâu và làm gì. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo qui định tại Điều 179, 180 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông, bà vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông bà.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K buộc ông Nguyễn Văn Q, bà Võ Thị D phải trả cho ngân hàng số tiền 115.975.889đ, trong đó: nợ gốc 80.000.000đ, lãi trong hạn 10.725.222đ, lãi quá hạn 25.250.667đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Áp dụng khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 2.986.974đ. Nếu ông Q, bà D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP K khởi kiện ông Nguyễn Văn Q, bà Võ Thị D đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Q, bà D phải thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết vì ông Q, bà D đã vi phạm thời hạn trả nợ. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Ông Nguyễn Văn Q, bà Võ Thị D với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Vào ngày 20/4/2016, giữa Ngân hàng TMCP K với ông Nguyễn Văn Q, bà Võ Thị D có ký kết Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 689/16/HMTD/1011-5014, đến ngày 18/4/2018, hai bên tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 938/2018/HĐTD/1011-5014, theo đó: Ngân hàng TMCP K cho ông Q, bà D vay số tiền 80.000.000đ; mục đích vay là sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi; thời hạn vay là 12 tháng; ngày giải ngân 18/4/2018; ngày đến hạn trả 18/4/2019; lãi suất trong hạn 13,05%/tháng (lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên bộ 3,78%/năm); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; hình thức thanh toán: vốn vay và lãi được trả vào ngày đến hạn hợp đồng. Xét, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 938/2018/HĐTD/1011-5014, ngày 18/4/2018 giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, từ ngày vay đến nay, ông Q, bà D không đóng lãi và trả nợ gốc cho Ngân hàng, do đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K buộc ông Q, bà D phải trả số nợ tính đến ngày 27/10/2020 là 115.975.889đ, trong đó: nợ gốc 80.000.000đ, lãi trong hạn 10.725.222đ, lãi quá hạn 25.250.667đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 28/10/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có cơ sở.

Xét thấy, cách tính tiền lãi của Ngân hàng TMCP K đúng với Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 938/2018/HĐTD/1011-5014, ngày 18/4/2018, phù hợp với Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về số tiền lãi phạt chậm trả lãi 2.986.974đ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với bị đơn ông Q, bà D đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông bà vẫn không có mặt tại Tòa án để cung cấp chứng cứ và lời khai, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”*. Do vậy, sau khi thẩm tra, xác minh cho thấy ông Q, bà D vẫn còn hộ khẩu tại địa phương, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Q, bà D cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của ông bà.

[5] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 689/16/HĐTC-BĐS/1011-5014, ngày 20/4/2016 được công chứng số 1315, quyền số IV TP/CC-SCT/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Trung Kiên vào ngày 21/4/2016 thể hiện: Bên thế chấp ông Nguyễn Văn Q, bà Võ Thị D, bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP K; tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất số AO 402605, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00571, diện tích 11.253m² (đất trồng lúa) tờ bản đồ số 1-2, thửa số 30982.1-2.243 được UBND huyện G cấp ngày 16/3/2009 do hộ ông Nguyễn Văn Q đứng tên, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 167 Luật Đất đai 2013 nên cần duy trì để bảo đảm thi hành án.

Qua thẩm tra, xác minh tại địa phương cho thấy toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên hiện nay đang bỏ trống, không có ai canh tác, không có thực hiện các giao dịch về đất với người thứ ba nên không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Do vậy, trong trường hợp ông Q, bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng TMCP K thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] **Về án phí:** Ông Q, bà D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trong tổng số tiền phải trả là: 5.798.794đ (115.975.889đ x 5%) do ông bà có lỗi trong vụ kiện này.

Ngân hàng TMCP K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 179, Điều 180, Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 167 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K.

Buộc: Ông Nguyễn Văn Q, bà Võ Thị D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 115.975.889đ (một trăm mười lăm triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc 80.000.000đ, lãi trong hạn 10.725.222đ và lãi quá hạn 25.250.667đ.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Q, bà D chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi từ tính từ ngày 28/10/2020 theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ông Q, bà D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có nghĩa vụ hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 689/16/HĐTC-BĐS/1011-5014, ngày 20/4/2016 cho ông Q, bà D.

Trong trường hợp ông Q, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 689/16/HĐTC-BĐS/1011-5014, ngày 20/4/2016 gồm: Quyền sử dụng đất số AO 402605, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00571, diện tích 11.253m² (đất trồng lúa) tờ bản đồ số 1-2, thửa số 30982.1-2.243 được UBND huyện G cấp ngày 16/3/2009 do hộ ông Nguyễn Văn Q đứng tên, đất tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi 2.986.974đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q, bà Võ Thị D phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 5.798.794đ (năm triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm chín mươi bốn đồng).

Ngân hàng TMCP K không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền 2.410.000đ (hai triệu, bốn trăm mười nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005065 ngày 24/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/10/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Danh Thị Kiều Oanh